

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 27-4-2021
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Duy Hiếu

+ Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị L sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Vợ chồng ông Trương Văn T, sinh năm: 1958

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Chị Cao Phương Th

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng

3.3. Ngân hàng TMCP P. Trụ sở: 25 B, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Chị L, anh N, ông T, bà C có mặt; chị Th, Ngân hàng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng thì chị Trương Thị L trình bày: Năm 2018 chị được bố mẹ là ông Trương Văn T bà Nguyễn Thị C tặng cho thửa đất số 348, tờ bản đồ số 8, diện tích là 262m² tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc thửa đất trước đây là bố mẹ chị được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 339, tờ bản đồ số 8, tổng diện tích là 1.679m². Tháng 11/2017 ông T, bà C làm thủ tục tách thửa 339 thành 04 thửa 347 có diện tích 275,4m², 348 có diện tích 262m², 349 có diện tích 249,2m², 350 có diện tích 892,4m². Ngày 19/01/2018 ông T, bà C đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn N thửa 347. Tại thời điểm đó chị và anh N là vợ chồng nên sau khi anh N mua đất của ông T bà C thì anh N đã xây nhà trên thửa 347, giáp thửa 348 của chị. Khi anh N làm nhà thì chị nghe anh N nói có lấn qua thửa 348 của chị khoảng 20cm. Sau đó chị và anh N ly hôn thì chị mới phát hiện phần hiên nhà của anh N đã lấn sang phần đất thuộc thửa 348 của chị hơn 3m theo mặt đường. Chị đã yêu cầu Ủy ban thị trấn N giải quyết, qua kiểm tra hiện trạng thì xác định thửa 348 của chị thiếu 3,2m theo mặt đường bê tông, phía sau thiếu 2,9m. Theo kết quả đo đạc hiện nay anh N lấn sang phần đất của chị là 77,8m². Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N phải trả cho chị diện tích đất 77,8m² thuộc một phần thửa 348, tờ bản đồ số 8, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác và không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Năm 2018 anh có nhận chuyển nhượng diện tích đất 274,5m² thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 8 thuộc thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng với chiều rộng theo mặt đường liên thôn là 10m. Sau đó anh làm nhà trên phần đất đã mua, quá trình làm nhà thì anh muốn có không gian rộng thêm nên có hỏi mua thêm 02 m của ông T bà C và ông T, bà C đồng ý bán cho anh thêm 02 mét đất theo mặt đường, như vậy tổng cộng anh mua của ông T bà C là 12m theo mặt đường liên thôn, tổng số tiền anh trả cho ông T bà C là 120.000.000đồng. Việc anh mua thêm 02m đất thì giữa anh với ông T bà C không làm thủ tục giấy tờ gì vì khi đó anh nghĩ là người nhà nên tin tưởng. Hơn nữa, năm 2018 khi anh làm nhà thì ông T, bà C cũng không có ý kiến gì. Nay anh và chị L ly hôn, chị L đòi anh phải trả 02m đất anh mua sau này của ông T bà C thì anh không đồng ý vì đất này anh đã mua, đã trả tiền đầy đủ cho ông T bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị C trình bày: Khoảng năm 1989, vợ chồng ông bà chuyển nhượng diện tích đất của bà Đập (hiện nay bà Đập đã chết), tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L. Đến năm 2006, ông bà đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 8 thị trấn N, huyện L (diện tích đất cụ thể bao nhiêu thì ông bà không nhớ). Đến năm 2017, ông bà tôi xin tách thửa 159 thành thửa 338 và thửa 339. Cũng trong năm 2017, ông bà tôi đã chuyển nhượng thửa 338 cho bà Nguyễn Thị T1, còn lại thửa 339. Đến tháng 11/2017, ông bà làm thủ tục tách thửa 339, thành 04 thửa cụ thể là: Thửa 347 (diện tích 275,4m², chiều rộng theo mặt đường bê tông là 7,1 + 2,9m, chiều rộng phía sau là 1,3 +

8,7m); Thửa 348 (diện tích 262m^2 , chiều rộng theo mặt đường bê tông là 10m, chiều rộng phía sau là 10m); Thửa 349 (diện tích $249,2\text{m}^2$, chiều rộng theo mặt đường bê tông là 10m, chiều rộng phía sau là 10m); Thửa 350 (diện tích $982,4\text{m}^2$, chiều rộng theo mặt đường bê tông là $22,5 + 18,6\text{m}$, chiều rộng phía sau là $19,8 + 17,75\text{m}$). Ngày 19/01/2018, ông bà chuyển nhượng diện tích đất $275,4\text{m}^2$, thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 8, thị trấn N, huyện L cho anh Nguyễn Văn N, giá chuyển nhượng là 250.000.000đ. Thời điểm đó anh N và chị L là vợ chồng nên ông bà chỉ lấy 100.000.000đ, còn 150.000.000đ thì ông bà cho anh N, chị L. Hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng và sang tên quyền sử dụng đất theo quy định. Ông T, bà C xác định không có việc ông bà chuyển nhượng thêm cho anh N 02m chiều rộng kéo về phía đất đã cho chị L. Vợ chồng tôi khẳng định là chỉ chuyển nhượng cho anh N diện tích đất nêu trên với chiều rộng theo mặt đường là 10m. Đối với số tiền 150.000.000đ tiền chuyển nhượng, vợ chồng tôi tự nguyện cho anh N, chị L nên vợ chồng tôi không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Sau đó ông bà làm thủ tục tặng cho 03 thửa còn lại cho các con, cụ thể tặng cho diện tích đất 262m^2 , thuộc thửa 348 cho chị L; tặng cho diện tích đất $249,2\text{m}^2$ cho chị Trương Thị Anh; tặng cho diện tích đất $892,4\text{m}^2$, thuộc thửa 350, tờ bản đồ số 8, thị trấn N, huyện L cho anh Trương Văn Lũy. Các bên đã hoàn tất thủ tục tặng cho và sang tên theo quy định của pháp luật. Tháng 11/2018, anh N tiến hành xây nhà trên diện tích đất thuộc thửa 347, quá trình xây nhà thì anh N có xây sân một phần bê tông, hàng rào và một phần móng nhà chính lẫn sang đất của chị L thuộc thửa 348 với chiều rộng phía trước là 3,2m, chiều rộng phía sau là 2,9m, diện tích lấn chiếm là khoảng 80m^2 . Khi anh N xây lấn qua đất chị L thì ông bà có ý kiến việc xây lấn qua, yêu cầu anh N chỉ xây trong phần đất đã nhận chuyển nhượng nhưng anh N nói rằng tổng cộng chiều rộng đất của anh N và chị L là 20m, nên xây lấn qua cũng là đất của vợ chồng anh N, chị L, nên ông bà không ngăn cản, không can thiệp việc xây lấn này. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N phải trả diện tích đất khoảng 80m^2 , thuộc một phần thửa 348, tờ bản đồ số 8, thị trấn N, huyện L thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật buộc anh N trả cho chị L đủ phần đất ông bà cho chị L. Trong vụ án này thì ông bà không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh N phải có trách nhiệm thanh toán cho chị L giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích $77,8\text{m}^2$ theo kết quả định giá là 326.760.000đồng. Về chi phí tố tụng và án phí: Buộc anh N phải chịu chi phí đo đạc, định giá và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L, bị đơn anh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà C có mặt. Sau phần giải thích xong quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phần giới thiệu những người tiến hành tố tụng thì anh N tự ý bỏ về. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Phương Th, Ngân hàng TMCP P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét, xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Trương Thị L yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải trả cho chị 77,8m² đất (theo kết quả đo đạc) thuộc một phần thửa 348, tờ bản đồ số 8 thị trấn N, huyện L. Còn anh N cho rằng anh không lấn chiếm đất của chị L mà đất này anh đã mua của ông T, bà C nên anh N không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của chị L nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn chị Trương Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn N là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[3] *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý theo kết quả đo đạc theo họa đồ ngày 24/6/2020 và kết quả định giá ngày 10/12/2020 đối với diện tích đất các bên đang tranh chấp là 77,8m² thuộc một phần thửa số 348, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L có giá trị là 326.760.000đồng. Trên đất có 27m tường xây tô trát xi măng, 77,8m² nền bê tông xi măng, móng đá nền sân phía sau dài 2,6m, một phần công trình nhà diện tích 4,1m x 1,6m có giá trị 27.717.657đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 354.477.657đồng. Đồng thời, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất của 77,8m² đất (theo kết quả đo đạc) thuộc một phần thửa 348, tờ bản đồ số 8 thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng theo kết quả định giá tài sản. Anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai của mình anh N khẳng định không lấn chiếm đất của chị L mà đất anh đang sử dụng là anh đã mua của ông T, bà C nên anh N bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của chị L.

[3.1] Nguồn gốc của thửa đất 347 và thửa 348 trước đây là của ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị C được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 339, tờ bản đồ số 8, có diện tích là 1.679m² tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L. Theo ông T, bà C tháng 11/2017 ông T, bà C làm thủ

tục tách thửa 339 thành 04 thửa cụ thể: thửa 347 có diện tích $275,4m^2$, thửa 348 có diện tích $262m^2$, thửa 349 có diện tích $249,2m^2$ và thửa 350 có diện tích $892,4m^2$. Đến tháng 01/2018 thì ông T, bà C chuyển nhượng cho anh N thửa 347 với diện tích ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là $275,4m^2$; tháng 02/2018 ông T, bà C tặng cho con gái là chị Trương Thị L thửa 348 liền kề đất đã chuyển nhượng cho anh N với diện tích $262m^2$, theo các đương sự khai thì cả thửa 347 và 348 đều có chiều rộng theo mặt đường bê tông là 10m. Lời khai của ông T, bà C phù hợp với hồ sơ tách thửa năm 2017 Tòa án đã thu thập tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà. Thời điểm ông T, bà C làm thủ tục chuyển nhượng đất cho anh N và tặng cho đất cho chị L thì chị L và anh N đang chung sống với nhau, đến tháng 7/2018 thì anh N và chị L đăng ký kết hôn. Sau đó anh N xây dựng nhà trên thửa 347, theo kết quả thẩm định hiện nay một phần căn nhà của anh N gồm phần hiên nhà, sân bê tông và hàng rào nằm trên một phần diện tích đất thuộc thửa 348 của chị L theo kết quả đo đạc là $77,8m^2$. Tại thời điểm anh N làm nhà thì chị L và anh N vẫn đang chung sống với nhau nên anh N xây nhà lấn sang thửa 348 thì ông T bà C không có ý kiến gì vì phần đất này ông bà đã cho chị L còn chị L xác định thời điểm anh N làm nhà thì chị biết anh N có xây lấn sang phần đất thuộc thửa 348 của chị nhưng do khi đó là vợ chồng và anh N nói chỉ xây qua phần đất của chị khoảng 30cm theo chiều rộng nên chị không có ý kiến gì. Nay chị L và anh N ly hôn thì chị L phát hiện anh N xây nhà lấn sang đất của chị hơn 3m chiều rộng nên chị L không đồng ý và yêu cầu anh N phải trả lại đất đã xây lấn qua thửa 348 là có căn cứ. Theo anh N thì sau khi nhận chuyển nhượng của ông T, bà C thửa 347 thì anh có mua thêm của ông T, bà C 02m chiều ngang nữa để cho đất rộng thêm nhưng anh N không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho vấn đề này còn ông T bà C không thừa nhận việc chuyển nhượng thêm cho anh N 02m đất. Trong khi đó vào tháng 4/2018 anh N làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì anh N không có ý kiến gì đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng là $275,4m^2$. Vì vậy, việc anh N trình bày mua thêm 2m đất nữa của ông T, bà C là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định việc chị L khởi kiện yêu cầu anh N phải trả cho chị diện tích đất $77,8m^2$ thuộc một phần thửa 348, tờ bản đồ số 8, tại thị trấn N là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Tại đơn khởi kiện chị L yêu cầu anh N phải trả cho chị diện tích đất anh N đã lấn chiếm, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu anh N phải thanh toán cho chị giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá. Xét thấy, trên diện tích đất lấn chiếm thì có một phần móng nhà, nền nhà của anh N nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến giá trị của căn nhà. Ngoài ra, hiện nay anh N đang thế chấp toàn bộ thửa đất 347 cùng tài sản trên đất là căn nhà có một phần thuộc thửa 348 để vay tiền tại Ngân hàng TMCP P. Vì vậy, cần giao cho anh N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất $77,8m^2$ thuộc một phần thửa 348 tờ bản đồ số 8, thị trấn N, huyện L. Buộc anh N phải thanh toán cho chị L giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là phù hợp.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án qua xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà thì được hiện anh N đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 486396 Ngân hàng TMCP P- Chi nhánh Lâm Đồng để vay tiền vào năm 2020 đến nay chưa xóa thế chấp. Tòa án huyện Lâm Hà đã ban hành công văn số 40 ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc hiện nay Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án trên và tổng đạt hợp lệ cho Ngân hàng nhưng phía Ngân hàng xác định không có ý kiến, không yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án không đưa Ngân hàng tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Xét thấy, việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, chị L nộp tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000đồng, đã quyết toán xong. Do yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận nên căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự buộc anh N phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền trị giá đất tranh chấp và tài sản trên đất phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L đối với anh Nguyễn Văn N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Anh Nguyễn Văn N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 77,8m² thuộc một phần thửa 348 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (*Có trích lục họa đồ kèm theo*). Buộc anh N phải thanh toán cho chị L giá trị quyền sử dụng đất là 326.760.000đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Văn N phải thanh toán cho chị Trương Thị L số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc anh N phải chịu 16.338.000đồng (Mười sáu triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007242 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Chị L, anh N, ông T, bà C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/4/2021), riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh